

Bản án số: 105/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2026
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Anh Thư;

Ông Nguyễn ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Minh Nhựt Quang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2025/ HNGĐ - ST ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 giữa:

1. *Nguyên đơn:* chị Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1992; CCCD số 072192011270 cấp ngày 09/8/2021. Cục Cảnh sát, QLHC & TTXH. Địa chỉ thường trú: khu phố Bình Nguyên 2, phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: ấp Thanh An, xã Mỹ Công, tỉnh Tây Ninh (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* anh Võ Anh N, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu phố Bình Nguyên 2, phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh N tiến đến hôn nhân vào năm 2010, đã đăng ký kết hôn cùng năm tại Ủy ban nhân dân phường Gia Bình, thị xã Trảng Bàng (nay là phường Gò Dầu), tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/10/2010. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên gây gổ, cãi vã với nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được, chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Anh N.

Về con chung: chị và anh N có 03 người con chung tên Võ Thị Hồng K, sinh ngày 06-12-2010; Võ Thị Thị Hồng G, sinh ngày 06-12-2010; Võ Tấn Đ, sinh ngày 08-04-2016. Hiện tại cháu G, cháu K, Đ đang sống chung với anh N. Khi ly hôn chị đồng ý và theo nguyện vọng của các con chung, giao cả 03 con chung là Võ Thị Hồng K, Võ Thị Thị Hồng G, Võ Tấn Đ cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Võ Anh N đã khai:

Về hôn nhân: Về quá trình chung sống, kết hôn và mâu thuẫn thống nhất với chị G. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị G nên anh không đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung: anh và G có 03 người con chung tên Võ Thị Hồng K, sinh ngày 06-12-2010; Võ Thị Thị Hồng G, sinh ngày 06-12-2010; Võ Tấn Đ, sinh ngày 08-04-2016. Khi ly hôn anh đồng ý tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung là Võ Thị Hồng K, Võ Thị Thị Hồng G, Võ Tấn Đ. Anh không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát khu vực 12 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc G đối với **anh Võ Anh N**.

Về con chung: chị G và anh N có 03 người con chung tên Võ Thị Hồng K, sinh ngày 06-12-2010; Võ Thị Thị Hồng G, sinh ngày 06-12-2010; Võ Tấn Đ, sinh ngày 08-04-2016. Theo nguyện vọng của con chung và sự thống nhất của chị G và anh N. Giao 03 con chung cho anh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Ngọc G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị G, anh N trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị G phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Lê Thị Ngọc G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Anh N, anh N có địa chỉ cư trú tại: phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị G, anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị G và anh N là đúng theo quy định.

[2] Về hôn nhân: chị Lê Thị Ngọc G và anh Võ Anh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Gia Bình, thị xã Trảng Bàng (nay là phường Gò Dầu), tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101, ngày 05/10/2010 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ, cãi vã với nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Chị G khởi kiện yêu cầu ly hôn, với anh N, anh N không đồng ý ly hôn, nhưng do bận đi làm nên yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, hôn nhân giữa chị G và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng ly thân đã lâu nhưng không hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ được, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh N là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: chị G và anh N có 03 người con chung tên Võ Thị Hồng K, sinh ngày 06-12-2010; Võ Thị Thị Hồng G, sinh ngày 06-12-2010; Võ Tấn Đ, sinh ngày 08-04-2016. Theo sự thống nhất của chị G, anh N và nguyện vọng của 03 người con chung. Giao cả 03 con chung cho anh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh N không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Ngọc G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị G, anh N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: chị Lê Thị Ngọc G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, anh Võ Anh N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc G đối với anh Võ Anh N. Chị G được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Chị G và anh N thống nhất có 03 người con chung tên Võ Thị Hồng K, sinh ngày 06-12-2010; Võ Thị Thị Hồng G, sinh ngày 06-12-2010; Võ Tấn Đ, sinh ngày 08-04-2016. Theo sự thống nhất của chị G, anh N và nguyện vọng của 03 người con chung. Giao cả 03 con chung cho anh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh N không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Ngọc G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị G, anh N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0009097 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Anh Võ Anh N không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Lê Thị Ngọc G và anh Võ Anh N có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 12 – Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 12 – Tây Ninh ;
- UBND phường Gò Dầu (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoài Tâm